

3 Miền chung - Đón Thủ Yên!



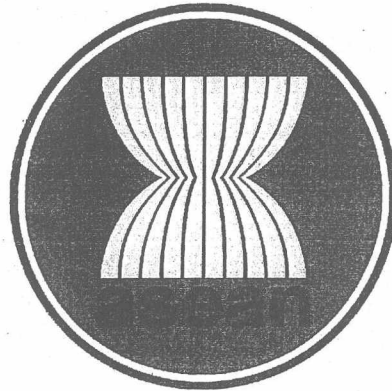
THAI NGUYEN
UNIVERSITY



THAI NGUYEN UNIVERSITY
OF SCIENCES



KALINGA-APAYAO
STATE COLLEGE



KỶ YẾU HỘI THẢO QUỐC TẾ

KINH TẾ VÀ VĂN HÓA - XÃ HỘI CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ
TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP ASEAN

INTERNATIONAL CONFERENCE ON
SOCIO - CULTURAL AND ECONOMIC INTEGRATION
OF INDIGENOUS PEOPLES IN THE CONTEXT OF THE ASEAN

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH THÁI NGUYÊN TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP

Đoàn Thị Yến¹

MỞ ĐẦU

Tỉnh Thái Nguyên có 180 xã, trong đó có 125 xã vùng cao và miền núi, còn lại là các xã đồng bằng và trung du. Trong các xã vùng cao và miền núi có 42 xã thuộc diện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và các xã An toàn khu được hưởng Chương trình 135/CP của Chính phủ (những xã này tập trung chủ yếu ở các huyện Võ Nhai, Đại Từ, Định Hóa và một phần của huyện Phú Lương). Đây là địa bàn cư trú chủ yếu của đồng bào dân tộc Tày, Nùng, Hmông, Dao, Sán Dìu, Sán Chí. Tình hình giáo dục ở những địa phương này rất khó khăn do đời sống kinh tế, văn hóa nghèo nàn, lạc hậu, trường lớp phân tán, thiếu giáo viên, việc triển khai đổi mới chương trình, phương pháp giảng dạy và sách giáo khoa còn nhiều hạn chế. Trước thực trạng đó, chính quyền của tỉnh Thái Nguyên đã có chính sách đầu tư nguồn lực để phát triển giáo dục như: xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, huy động nguồn vốn, xã hội hóa giáo dục. Những chính sách đó đã làm cho chất lượng giáo dục - đào tạo ở những khu vực này tiếp cận được với chất lượng giáo dục chung của tỉnh Thái Nguyên và của cả nước.

Bài viết tập trung phân tích những chính sách phát triển giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số của chính quyền tỉnh Thái Nguyên và tác động của những chính sách đó.

NỘI DUNG

1. Khái quát về các dân tộc thiểu số ở tỉnh Thái Nguyên

Thái Nguyên là miền đất văn hóa đa sắc tộc. Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có 34 dân tộc cùng chung sống, trong đó có 8 dân tộc chiếm đa số mang nguồn gốc bản địa như người Kinh, Tày, Sán Dìu, Dao. Có dân tộc nhập cư vào địa bàn tỉnh trong những thế kỷ gần đây như: Nùng, Sán Chay, Mông, Hoa. Ở Thái Nguyên, tộc người Kinh chiếm số lượng đông nhất, gồm nhiều bộ phận hợp thành: người dân bản địa và một bộ phận di cư từ vùng đồng bằng lên (nhiều nhất là trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp 1945 - 1954). Địa bàn cư trú của người Kinh rộng khắp, từ vùng núi trung du phía Nam đến các vùng hẻo lánh phía Bắc, trong đó tập trung chủ yếu ở thành phố Thái Nguyên và các huyện, thị phía Nam.

Các tộc người thiểu số chiếm khoảng 24,49% dân số toàn tỉnh. Tộc người Tày có số dân đông thứ hai sau người Kinh, chiếm khoảng 10,69% dân số của tỉnh Thái Nguyên, tiếp đó là tộc người Nùng chiếm 5,13% dân số. Ngoài ra, ở tỉnh Thái Nguyên còn có 25.972 người Sán Dìu, 22.686 người Dao, 43.252 người thuộc thành phần các tộc người khác. Các tộc người thiểu số sống chủ yếu ở vùng phía Tây Bắc và Đông Bắc của tỉnh Thái Nguyên, thuộc các huyện Võ Nhai, Đại Từ, Định Hóa và một phần của huyện Phú Lương [6, tr.20]. Đây là vùng có địa hình cao, chia cắt phức tạp do quá trình karts (casto) phát triển mạnh, có độ cao từ 500 đến 1000 m, độ dốc thường từ 25^o đến 35^o. Địa hình của vùng này phức tạp, hiểm trở, có nhiều núi đá vôi, thung lũng, sông suối hẹp và sâu. Đây là vùng núi cao, giao thông đi lại khó khăn, ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế, xã hội, giáo dục - đào tạo. Các xã như Nghinh Tường, Sáng Mộc, Tràng Xá, Thần Sa của huyện Võ Nhai; Khe Mo, Vân Lăng, Tân Long của huyện Đồng Hỷ điều kiện sống, sinh hoạt quá đơn sơ. Giáo dục - đào tạo ở đây gặp nhiều khó khăn vì trường lớp phân tán, thiếu giáo viên, việc triển khai đổi mới chương trình, phương pháp giảng dạy và sách giáo khoa còn nhiều hạn chế. Trình độ dân trí của các dân tộc thiểu số còn thấp và không đồng đều. Các dân tộc thiểu số do cư trú trên địa bàn rộng, dân cư thưa thớt, do vậy việc xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng các công trình phúc lợi xã hội gặp nhiều khó khăn, không thể đáp ứng ngay trong thời gian ngắn được.

¹ ThS, Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên

những Chỉ thị, Nghị quyết, Chương trình, Đề án, Kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế ở những địa phương thuộc vùng cao, vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn của tỉnh Thái Nguyên như: “*Đề án phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2001 - 2005 tỉnh Thái Nguyên*” (ban hành năm 2001); “*Chỉ thị số 10-CT/TU, Về thực hiện phổ cập giáo dục Trung học cơ sở và tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị trường học*” (ban hành năm 2002); Đề án “*Quy hoạch phát triển Giáo dục - Đào tạo tỉnh Thái Nguyên đến năm 2010*” (ban hành năm 2003), *Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010* của Tỉnh ủy Thái Nguyên (ban hành năm 2006), Quyết định “*Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020*” của Chính phủ tại 42 xã thuộc diện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và các xã An toàn khu được hưởng Chương trình 135/CP của Chính phủ (ban hành năm 2007), *Kế hoạch thực hiện đề án kiên cố hoá trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên của tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2008 -2012* của Hội đồng nhân dân tỉnh (ban hành năm 2008)... Nội dung chính của những Chỉ thị, Nghị quyết này thể hiện quyết tâm phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục của tỉnh Thái Nguyên của Đảng bộ tỉnh và các cấp chính quyền tỉnh. Đối với phát triển giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Đảng bộ và các cấp chính quyền của tỉnh Thái Nguyên đã đưa ra những chính sách:

+ Xây dựng trường dân tộc nội trú tại những huyện vùng cao như Võ Nhai, Định Hóa, Đông Hỷ. Đối tượng là học sinh dân tộc vùng cao của các huyện Võ Nhai, Định Hóa, Đông Hỷ và học sinh dân tộc thiểu số ít người ở các huyện miền núi trong tỉnh, học sinh diện chính sách (con liệt sĩ, thương binh hạng 1/4, học sinh mồ côi không nơi nương tựa, học sinh nghèo học giỏi). Mở thêm hệ dân tộc nội trú tại trường Trung học phổ thông Bình Yên, huyện Định Hóa dành cho học sinh lớp 6 là người dân tộc của các xã vùng cao miền núi, vùng ATK Định Hóa vào học được hưởng chế độ nuôi ăn học của nhà nước. Phối hợp các nguồn kinh phí của giáo dục - đào tạo, định canh định cư, và nhân dân đóng góp để xây dựng lớp học cho vùng cao với cấp nhà phù hợp, trước hết làm nhà ở nội trú chắc chắn cho giáo viên và xây dựng xong (cấp 4 hoặc tương đương cấp 4) cho phân trường chính của 14 xã vùng cao.

+ Tập trung kinh phí xóa mù chữ và phổ cập tiểu học cho các xã, vùng khó khăn. Tăng tỉ lệ học sinh dân tộc thiểu số được học nội trú qua từng năm học.

+ Đào tạo giáo viên người tại chỗ cho những xóm bản ở vùng sâu, vùng xa, vùng hẻo lánh. Tiếp tục thực hiện chế độ trợ cấp cho giáo viên ở vùng cao và một số ít xóm bản vùng xa xôi hẻo lánh khác.

Chính sách phát triển giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số của chính quyền tỉnh Thái Nguyên đã mang lại những kết quả tích cực. Từ đó góp phần nâng cao chất lượng dân trí của tỉnh Thái Nguyên, củng cố khối đoàn kết dân tộc - nhân tố quan trọng để tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết dân tộc, văn hoá, xã hội của địa phương trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá của đất nước.

3. Những kết quả đạt được

3.1. Cơ sở vật chất

Đối với giáo dục Tiểu học: Mạng lưới trường, lớp phủ kín các thôn bản đáp ứng yêu cầu đi học của học sinh là người dân tộc thiểu số. Các xã vùng cao đều có trường tiểu học được xây dựng hoàn chỉnh. Các điểm trường được xây dựng hợp lý. Ở nhiều xã vùng cao từ 2- 3 trường tiểu học như huyện Võ Nhai có các xã La Hiên: 3 trường, Bình Long: 2 trường, Tràng Xá: 3 trường. Bình quân mỗi trường có từ 15- 20 lớp. Ở các xã vùng cao miền núi bình quân cứ 4 người dân có 1 người đi học [5, tr.22].

Đối với giáo dục trung học cơ sở: Do có nguồn kinh phí 135 của Chính phủ, chương trình vay vốn xóa phòng học tạm, sự tài trợ của một số cơ quan xí nghiệp nên cơ sở vật chất của các trường vùng núi, vùng cao từng bước được cải thiện. Hiện nay, các trường trung học cơ sở có đủ phòng học. 70% số trường học được xây cấp 4, có đủ bảng đen, sân chơi bãi tập, nhà văn phòng,

3.3. Chất lượng giáo dục

Được sự quan tâm của các cấp chính quyền, sau ngày tái lập tỉnh đến nay (1997 - 2015), chất lượng giáo dục ở những địa phương vùng cao, vùng sâu, vùng xa, khu vực ATK ngày càng chuyển biến theo hướng tích cực. Cụ thể:

Bậc tiểu học: Hầu hết các trường tiểu học ở những vùng này đều tổ chức dạy nói Tiếng Việt cho học sinh dân tộc trước ngày khai giảng. Tỷ lệ học sinh lớp 5 tốt nghiệp đạt 97%. Trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99.7%. Tỉnh Thái Nguyên đã được công nhận đạt tiêu chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi tháng 11/2002, trở thành tỉnh miền núi đầu tiên đạt tiêu chuẩn này. Trong số 42 xã vùng cao thuộc diện khó khăn theo quyết định của Chính phủ đã có 23 xã được đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi [38, tr.22]. Năm 2003, trong số 6 xã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục đúng độ tuổi có 4 xã vùng cao thuộc diện khó khăn. Năm 2004 có thêm 3 xã vùng cao được công nhận phổ cập giáo dục đúng độ tuổi.

Bảng 1: Kết quả học tập hai môn Tiếng Việt và Toán của học sinh dân tộc thiểu số năm học 2009-2010

Môn học	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Tiếng Việt	8618	33.99	9679	38.17	6440	25.40	561	2.21
Toán	12140	47.89	7196	28.38	5379	21.22	638	2.51

[5, tr.54].

Bậc Trung học cơ sở:

Học sinh là người dân tộc tốt nghiệp tiểu học được, huy động vào lớp 6 ở các xã vùng cao, miền núi cũng đạt tỷ lệ 97- 98%. Ở các trường dân tộc nội trú cấp huyện, Sở giáo dục đào tạo chỉ đạo nhà trường học tập 2 buổi/ngày chất lượng giáo dục được nâng lên rõ rệt. Hàng năm, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở của trường nội trú là 100% trong đó học sinh tốt nghiệp loại khá, giỏi đạt tới 60- 70%.

Công tác chỉ đạo giáo dục toàn diện được thực hiện nghiêm túc. Các trường luôn coi trọng việc rèn luyện đạo đức cho học sinh thông qua các bộ môn xã hội, qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Khối học sinh nội trú tăng cường tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và kỹ năng độc lập, tự chủ thông qua các hoạt động chuyên đề, thể dục thể thao, chăm sóc cây xanh. Ngoài việc học tập văn hóa học sinh còn được học dạy nghề định hướng nghề nghiệp sau này để phục vụ địa phương miền núi.

Bậc Trung học phổ thông: Trong năm học 2004-2005, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã ra Quyết định chuyển trường Dân tộc nội trú tỉnh đặt tại huyện vùng cao Võ Nhai về trung tâm thành phố Thái Nguyên và làm nhiệm vụ chủ động đào tạo học sinh dân tộc miền núi, vùng cao cấp trung học phổ thông, không lệ thuộc vào hợp đồng đào tạo với trường vùng cao Việt Bắc (trường Trung ương đóng tại địa phương). Hàng năm, trường này có số lượng 150 học sinh học tập được hưởng chế độ nuôi ăn học theo chế độ nhà nước. Trường phổ thông vùng cao Việt Bắc hàng năm tuyển 40 học sinh dân tộc các xã vùng cao của tỉnh Thái Nguyên vào học lớp 10 trung học phổ thông. Bằng ngân sách của tỉnh và nhân dân đóng góp thêm, hàng năm tỉnh Thái Nguyên gửi gần 300 học sinh ở cả 3 khối lớp 10, 11, 12 tại trường phổ thông Vùng cao Việt Bắc [5, tr.7]. Chất lượng học sinh ở bậc học này ngày càng được nâng lên. Trung bình hàng năm, số học sinh dân tộc tốt nghiệp trung học phổ thông ở các trường trung học phổ thông ở các huyện miền núi và các

7. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (2003), *Quy hoạch phát triển giáo dục – đào tạo Thái Nguyên đến 2010*.
8. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (2004), *Báo cáo đánh giá kết quả ba năm thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo - việc làm giai đoạn 2001 - 2005 tỉnh Thái Nguyên*.
9. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (2004), *Báo cáo đánh giá tình hình phát triển kinh tế, xã hội ở 3 khu vực vùng dân tộc, miền núi tỉnh Thái Nguyên*.
10. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (2004), *Báo cáo kiểm điểm triển khai thực hiện xã hội hóa trên lĩnh vực văn hóa, xã hội tỉnh Thái Nguyên*
11. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, *Báo cáo hàng năm về kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế, xã hội của tỉnh Thái Nguyên từ năm 1997 đến năm 2014*.
12. <http://web.cema.gov.vn/>

EDUCATION POLICY DEVELOPMENT OF THAI NGUYEN GOVERNMENT IN ETHNIC MINORITIES ERA DURING INTERGRATION PERIOD

Doan Thi Yen¹

ABSTRACT

Thai Nguyen province has 180 communes, including 125 uplands and mountains, and the rest of the lowland and midland. In the highland and mountainous area, there are 42 communes in particular socio-economic difficulties and the social safety zones are entitled to P135/CP. Here is primarily residential locality of ethnic Tay, Nung, Hmong, Dao, San Diu, San Chi. The situation of education in these localities is so tough economic life, culture, poverty, backwardness, scattered schools, lack of teachers, implementing innovative programs, teaching methods and textbooks science is limited.

Facing this situation, the government of Thai Nguyen province has a policy to invest resources for the development of education, such as building infrastructure, hiring of teachers, managers; raising funds, socialization of education ... These policies that make quality education and training in these areas to have access to quality education of the province of Thai Nguyen and country.

¹ MSc, Thai Nguyen University of Sciences